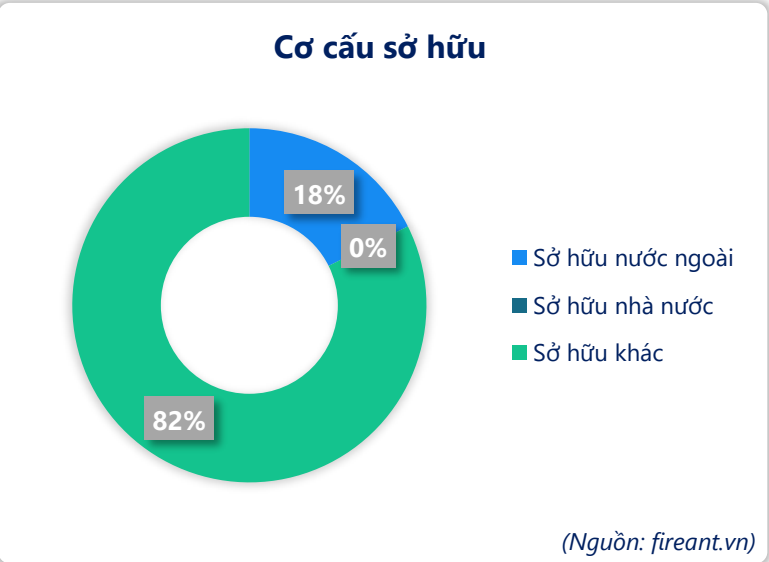
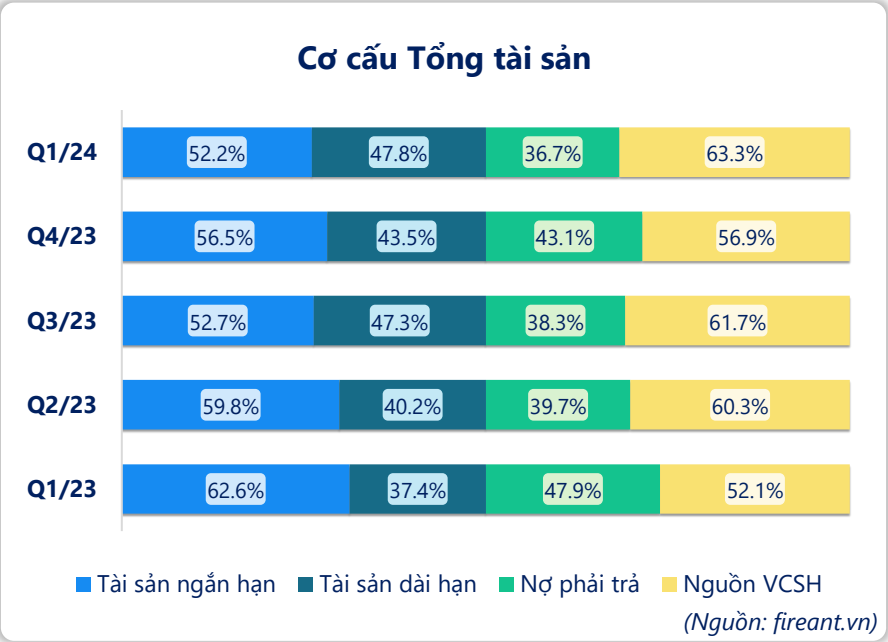
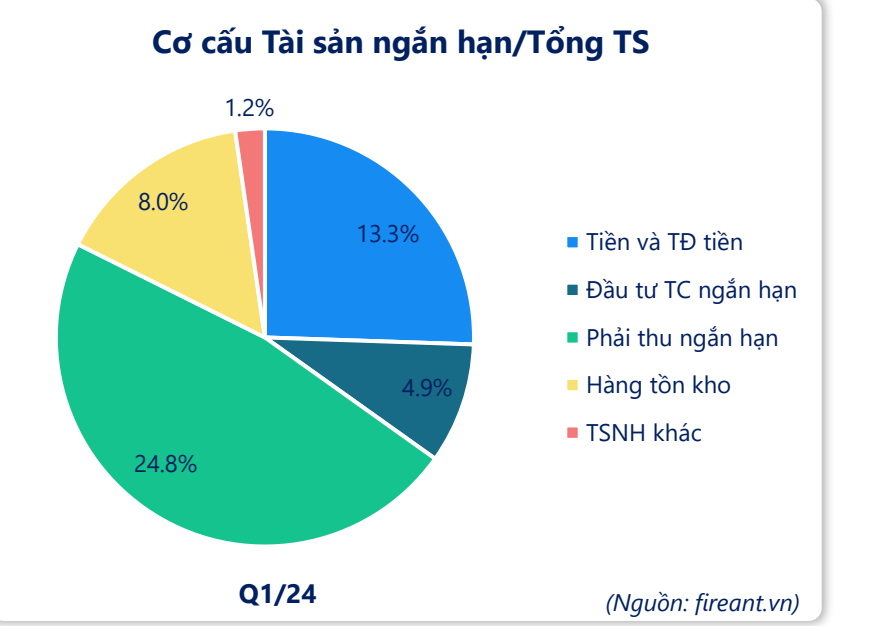
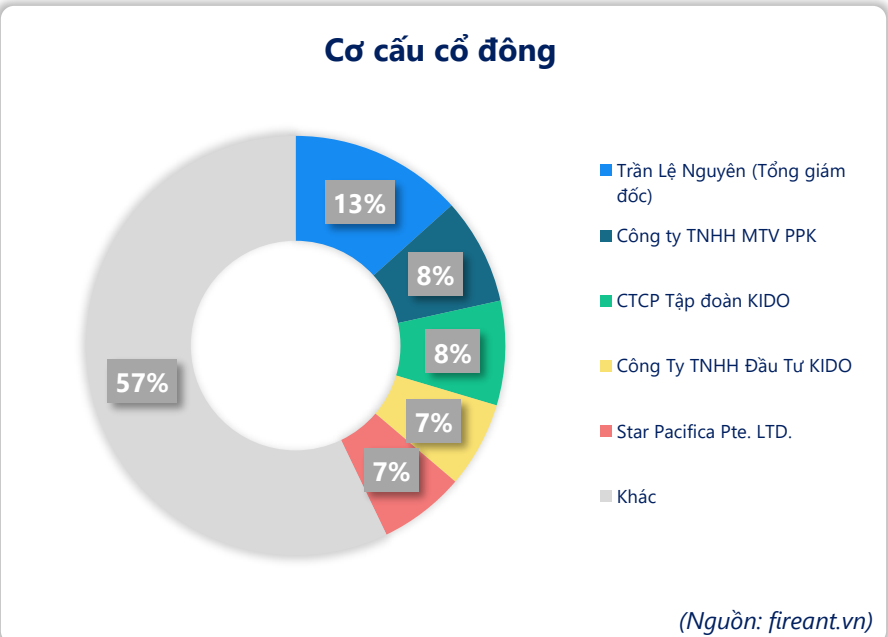
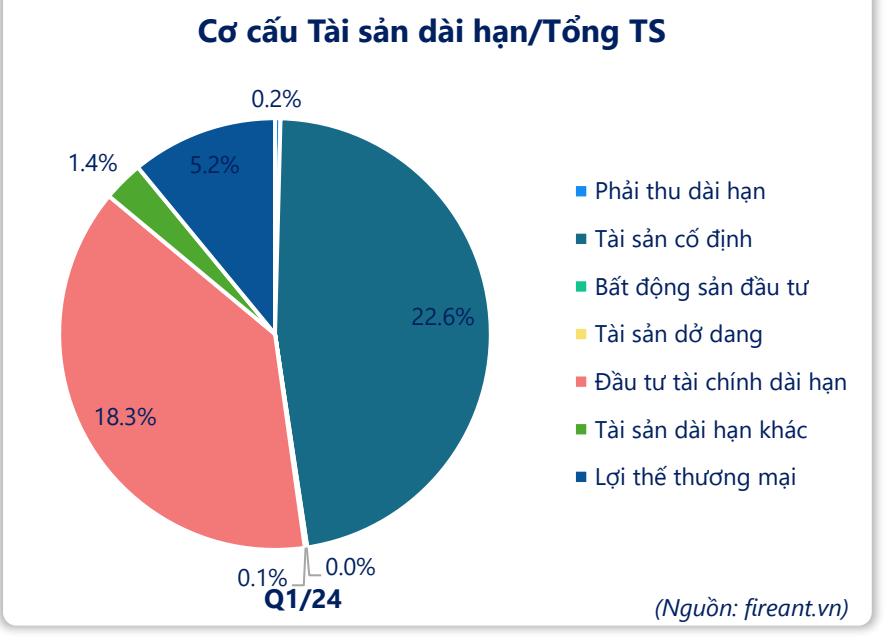
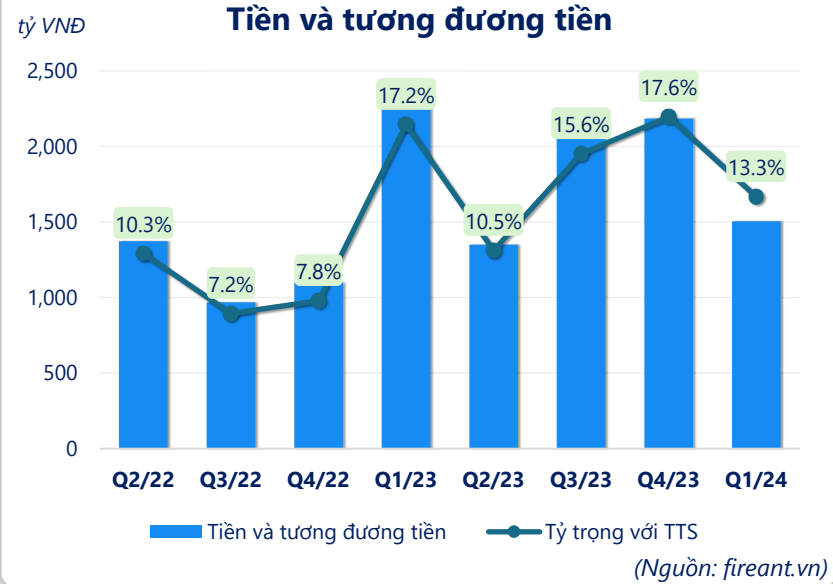
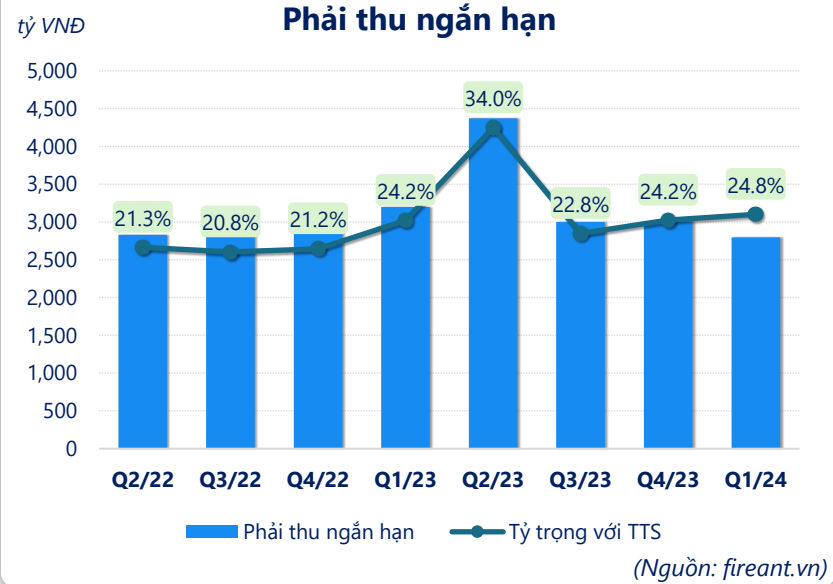
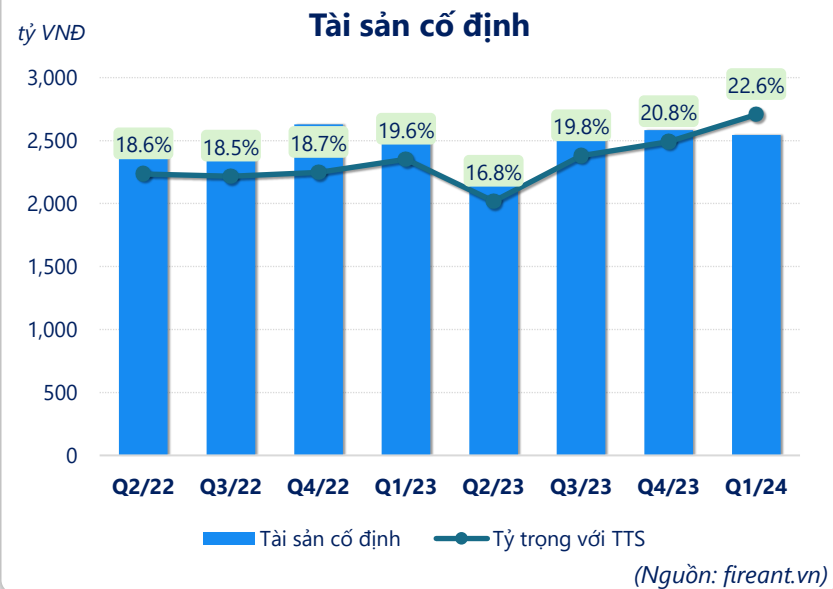
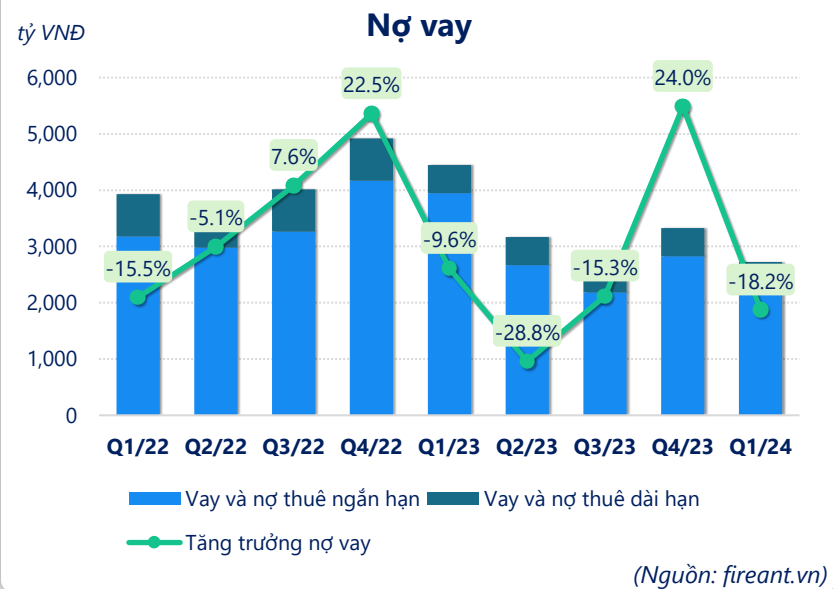
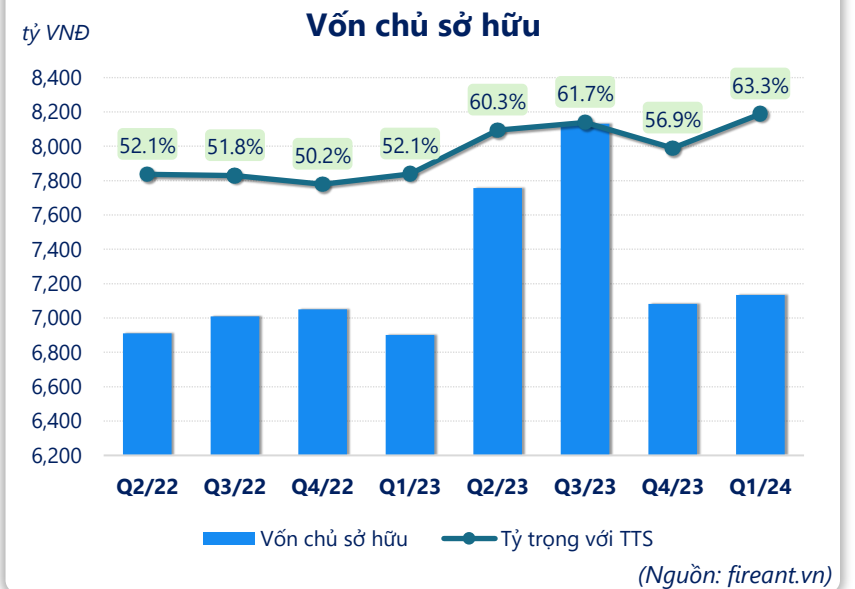
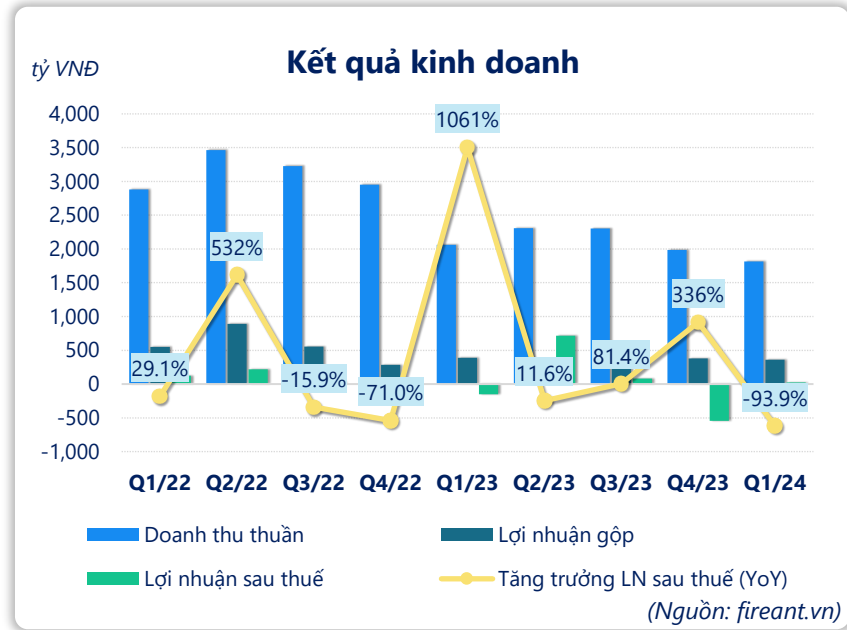
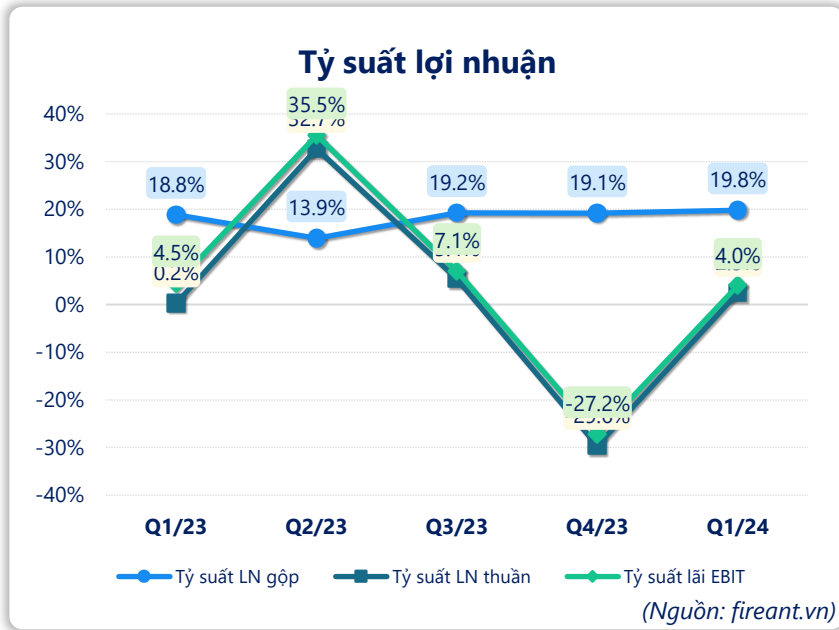
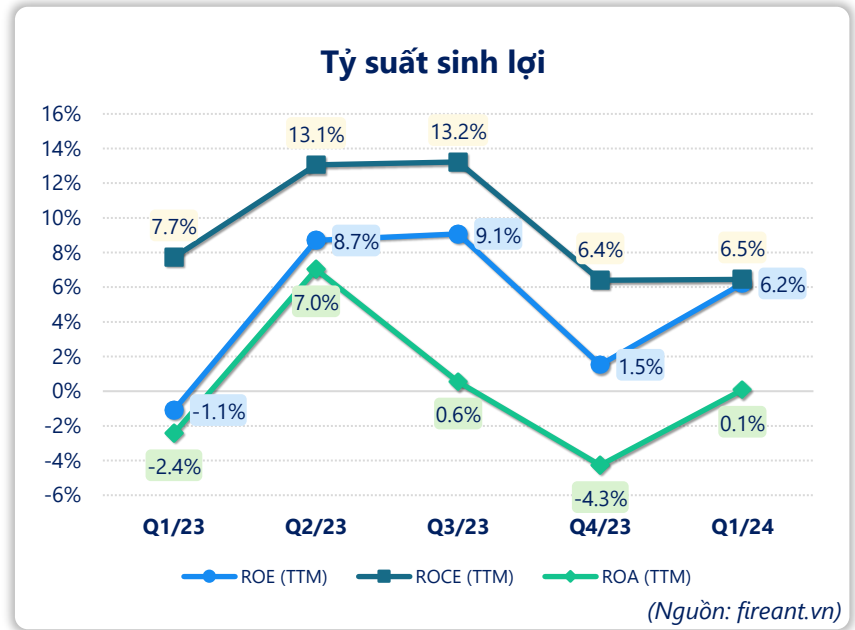
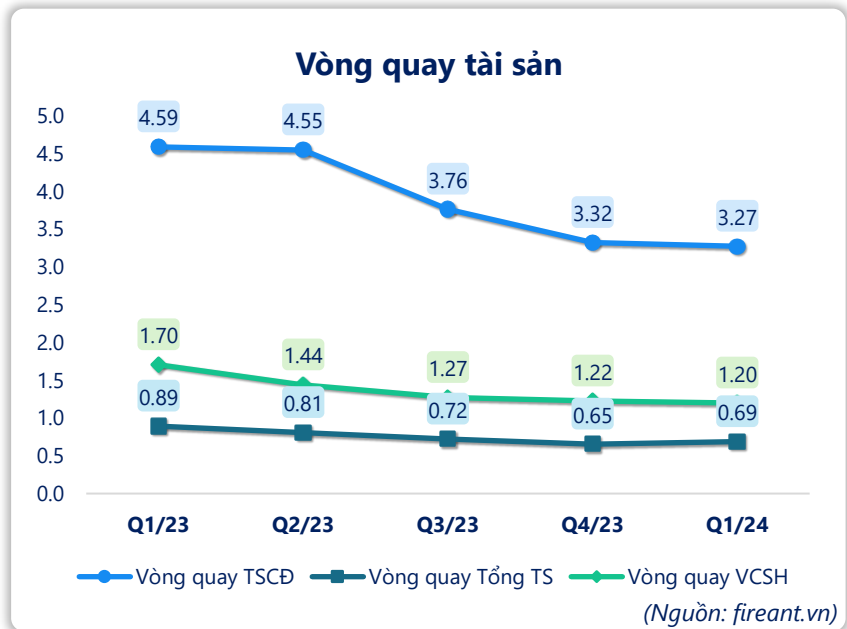
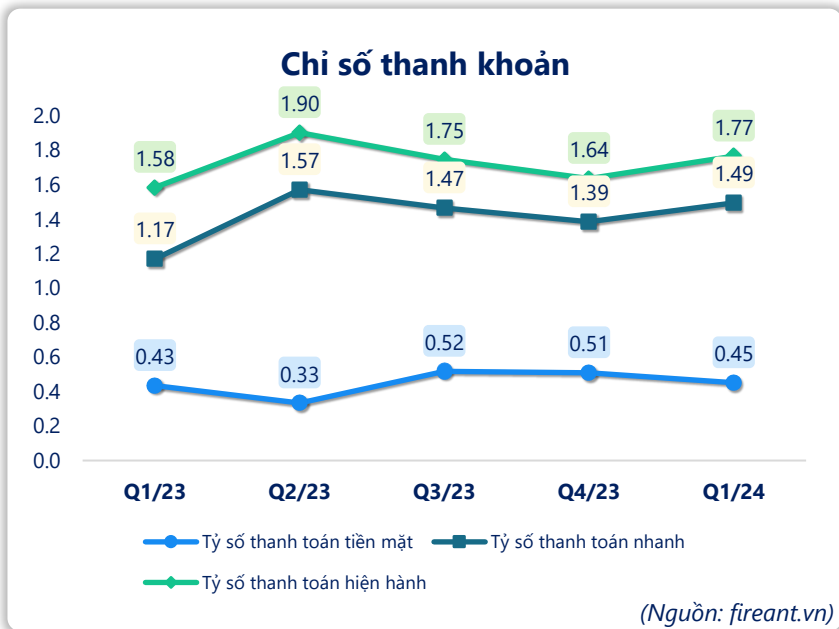
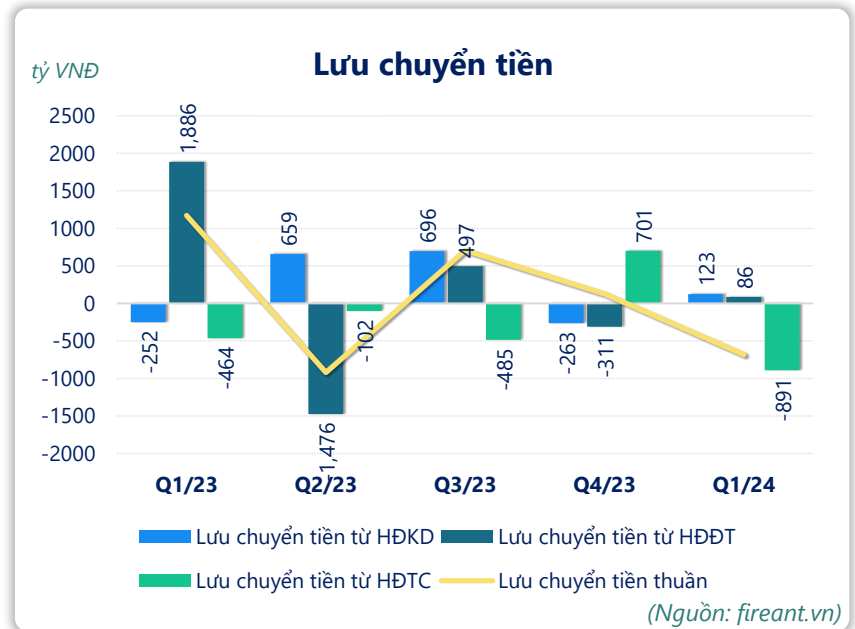


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		62,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		64,753
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		57,977
SL cổ phiếu LH		267,288,970
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,369,560
% sở hữu nước ngoài		17.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		16,706
P/E		38.3
EPS		1,632

	YTD	1T	3T	6T
KDC	2.5%	-1.6%	2.5%	0.6%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	11,279	12,391	-9.0%
Tài sản ngắn hạn	5,889	6,964	-15.4%
Tiền và tương đương tiền	1,504	2,185	-31.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	549	619	-11.3%
Phải thu ngắn hạn	2,798	2,957	-5.4%
Hàng tồn kho	905	1,072	-15.6%
Tài sản ngắn hạn khác	134	131	2.8%
Tài sản dài hạn	5,389	5,427	-0.7%
Phải thu dài hạn	22.1	21.5	2.4%
Tài sản cố định	2,544	2,582	-1.5%
Bất động sản đầu tư	4.17	4.22	-1.1%
Tài sản dở dang	5.68	4.90	15.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,061	2,043	0.9%
Tài sản dài hạn khác	162	161	1.1%
Lợi thế thương mại	590	611	-3.4%
Nợ phải trả	4,144	5,277	-21.5%
Nợ ngắn hạn	3,335	4,214	-20.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,470	2,826	-12.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	389	426	-8.6%
Nợ dài hạn	809	1,063	-23.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	252	501	-49.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	7,135	7,114	0.3%
Vốn chủ sở hữu	7,135	7,114	0.3%
Vốn điều lệ	2,898	2,898	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	2,060	2,307	2,303	1,983	1,815
Giá vốn hàng bán	1,672	1,986	1,860	1,603	1,456
Lợi nhuận gộp	388	321	443	380	359
Doanh thu HĐTC	105	1,120	49.1	60.7	41.9
Chi phí TC	88.7	84.6	51.7	796	29.2
Chi phí lãi vay	86.8	69.0	47.5	39.1	27.8
LN trong công ty LKLD	2.43	13.2	30.8	25.4	18.4
Chi phí bán hàng	311	411	263	216	242
Chi phí QLDN	90.5	205	83.2	41.6	104
LN thuần từ HĐKD	4.98	753	124	-588	44.9
Lợi nhuận khác	0.70	-3.34	-9.37	10.1	-0.50
LN trước thuế	5.68	750	115	-578	44.4
Lợi nhuận sau thuế	-151	715	81.9	-544	21.7
LNST của CĐ cty mẹ	-319	918	73.7	-565	9.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-252	659	696	-263	123
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1,886	-1,476	497	-311	86.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-464	-102	-485	701	-891
Tiền đầu kỳ	1,100	2,272	1,350	2,058	2,185
Lưu chuyển tiền thuần	1,170	-920	707	128	-681
Ảnh hưởng tỷ giá	1.40	-0.97	-0.01	-0.42	0.00
Tiền cuối kỳ	2,272	1,350	2,058	2,185	1,504

(Nguồn: fireant.vn)